

Mục tiêu NH20/21 của Tổng Giám thị

| Mục tiêu | | | |
|---|--|----------------------------|------------------|
| | Cơ sở Dữ liệu | NH 20-21 Mục tiêu | NH 20-21 Thực tế |
| Mục tiêu #1: Xây dựng và triển khai một kế hoạch nhằm cải thiện đáng kể kết quả cho Học sinh Anh ngữ bằng cách tăng cường năng lực đáp ứng nhu cầu cho Học sinh Anh ngữ của khu. | | | |
| Mục tiêu tạm thời 1.1 Phát triển ACCESS: Tăng tiến độ đạt tới trình độ thông thạo tiếng Anh, được đo bằng Phân vị Tăng trưởng Trung bình của Học sinh trong kỳ thi ACCESS for ELLs (SGPA). | 47 (NH20) | 50 | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 1.2 Đạt tiến bộ: Tăng tiến độ đạt tới trình độ thông thạo tiếng Anh, được đo bằng tỷ lệ phần trăm học sinh đạt được tiến bộ hàng năm đáng khích lệ trong kỳ thi ACCESS for ELLs. | 44% (NH20) | 46% (+ 2%) | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 1.3 Học sinh Anh ngữ Khuyết tật: Tăng tiến độ đạt tới trình độ thông thạo ngôn ngữ cho Học sinh Anh ngữ theo học Chương trình Giáo dục Riêng, được đo bằng Phân vị Tăng trưởng Trung bình của Học sinh trong kỳ thi ACCESS cho ELL (SGPA). | 39 (NH20) | 50 | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 1.4 Thông thạo tiếng Anh: Tăng tỷ lệ Học sinh Anh ngữ đạt được tới trình độ thông thạo tiếng Anh, được đo bằng tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn đầu ra của tiểu bang. | 16% (NH20) | 17% (+ +1%) | TBD |
| Chiến lược cho Mục tiêu #1 | | | |
| Chiến lược 1.1 Ngôn ngữ kép: Tăng chỗ trong chương trình ngôn ngữ kép. | 2,005 (NH20) | 2,105 | 2,157 (NH21) |
| Chiến lược 1.2 Đa dạng Ngôn ngữ: Tăng tính đa dạng ngôn ngữ của nhân viên, được đo bằng tỷ lệ phần trăm ngôn ngữ BPS, trong đó Chỉ số Đối đẳng giữa Giáo viên và Học sinh là 2:3 (0,67) trở lên. Chỉ số Đối đẳng giữa Giáo viên và Học sinh là tỷ lệ giữa giáo viên và học sinh đối với từng ngôn ngữ, với mục tiêu là 2:3 trên toàn khu (tức là cứ 3% học sinh nói ngôn ngữ này thì có 2% giáo viên tại trường thông thạo ngôn ngữ đó). | 7 / 9 ngôn ngữ | 8 / 9 ngôn ngữ | 7 / 9 ngôn ngữ |
| Chiến lược 1.3 Dịch vụ Phiên dịch: Tăng khả năng tiếp cận với việc hoạch định chính sách và ra quyết định của khu học chánh cho tất cả các thành viên cộng đồng, được đo bằng tỷ lệ phần trăm các cuộc họp của Ủy ban Học chánh có cung cấp phiên dịch bằng ít nhất ba ngôn ngữ chính thức của BPS. | 3/15 cuộc họp, đạt 20% (Tháng 3-Tháng 10) | 100% từ 11/2020 | TBD |
| Mục tiêu #2: Xây dựng và triển khai một kế hoạch nhằm cải thiện đáng kể kết quả cho học sinh khuyết tật bằng cách nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu cho Học sinh Giáo dục Đặc biệt của khu | | | |
| Mục tiêu tạm thời 2.1 Tính Không cân xứng: Giảm tỷ lệ không cân xứng giữa học sinh nam da màu bị suy giảm cảm xúc và học sinh Latinh bị khiếm khuyết về giao tiếp, được đo bằng cách giảm tỷ lệ rủi ro. | Học sinh da màu: 3.7 (NH20) Học sinh Latinh: 1,5 (NH20) | Da màu: 3.6 Latinh: 1.4 | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 2.2 Tiến độ Đọc hiểu: Tăng tỷ lệ học sinh khuyết tật khối lớp K2-2 đáp ứng hoặc vượt quá điểm số mong đợi của khối lớp trong kỳ thi Đánh giá Thông thạo Đọc hiểu NWEA MAP vào cuối năm. | 36% (Đầu NH21) | 38% (+ 2%) | TBD |
| Mục tiêu Tạm thời 2.3 Phát triển Học sinh: Tăng tốc độ phát triển của học sinh đối với ELA và toán, được đo bằng Phân vị Tăng trưởng Trung bình của Học sinh đối với MCAS cho học sinh khuyết tật khối lớp 3-8. (Ghi chú: MCAS không được thực hiện ở khối lớp 3-8 trong năm 2020) | ELA: 44.1 (NH19) Toán: 44.0 (NH19) | 50 | TBD |
| Chiến lược cho Mục tiêu #2 | | | |
| Chiến lược 2.1 Tách biệt đáng kể: Giảm tỷ lệ học sinh khuyết tật được phục vụ trong các chương trình tách biệt đáng kể | 30.8% (NH20) | 30.7% (-0.3) | 30.9% (NH21) |
| Chiến lược 2.2 Hòa nhập: Tăng tỷ lệ học sinh khuyết tật khối lớp K0-12 trong môi trường hòa nhập toàn bộ hoặc một phần. | 61.9% (NH20) | 62.4% (+0.5) | 62.4% (NH21) |
| Chiến lược 2.3 Chuyên gia tâm lý và Đào tạo COSE: Phối hợp với Dịch vụ Y tế Hành vi để đào tạo các Chuyên gia Tâm lý Học đường và Điều phối viên Giáo dục Đặc biệt về quy trình xác định và chuyển tuyến thích hợp, được đo bằng việc đánh giá mức độ sự hiểu biết về các khái niệm sau mỗi khóa đào tạo. | N/A | N/A (Biện pháp mới) | TBD |

| Mục tiêu số 3 VĂN PHÒNG TRUNG TÂM: Tổ chức lại cơ cấu và chức năng của Văn phòng Trung tâm BPS để cải thiện đáng kể năng lực nhằm thu hẹp khoảng cách về cơ hội và thành tích ở tất cả các trường trong khu | | | |
|--|---------------------------------------|---------------------|--------------|
| Mục tiêu tạm thời 3.1 Nhận thức của Giáo viên: Cải thiện nhận thức của giáo viên về dịch vụ văn phòng trung tâm, tính hiệu quả và trách nhiệm giải trình đối với các kết quả được đo bằng điểm trung bình trên các thang lựa chọn (nhóm mục liên quan) từ cuộc khảo sát giáo viên. | Không được thực hiện trong NH19-20 | N/A (Biện pháp mới) | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 3.2 Nhận thức của Lãnh đạo trường: Cải thiện nhận thức của lãnh đạo trường học về dịch vụ văn phòng trung tâm, hiệu quả và trách nhiệm giải trình đối với các kết quả được đo bằng điểm trung bình trên các thang lựa chọn (nhóm mục liên quan) từ cuộc khảo sát lãnh đạo trường. | Không được thực hiện trong NH19-20 | N/A (Biện pháp mới) | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 3.3 Nhận thức của Văn phòng Trung tâm: Cải thiện văn hóa tổ chức trong toàn văn phòng trung tâm, được đo bằng điểm số trung bình trên các mục từ cuộc thăm dò Gallup. | Không được thực hiện trong NH19-20 | N/A (Biện pháp mới) | TBD |
| Chiến lược cho Mục tiêu #3 | | | |
| Chiến lược 3.1 Biểu đồ Tổ chức: Xây dựng biểu đồ tổ chức thể hiện rõ ràng các dòng báo cáo và đảm bảo tính lãnh đạo và quản lý hiệu quả của tất cả các lĩnh vực chịu trách nhiệm. | Xem biểu đồ đính kèm từ NH20 | N/A | Biểu đồ NH21 |
| Chiến lược 3.2 Tính đa dạng của Văn phòng Trung tâm: Tăng tính đa dạng chủng tộc của văn phòng trung tâm để phù hợp với thành phần học sinh mà chúng tôi phục vụ, được đo bằng cách tăng chỉ số đối đẳng giữa nhân viên và học sinh của văn phòng trung tâm. | 0,70 | 0.75 (+0.05) | TBD |
| Chiến lược 3.3 Tiếng nói của Lãnh đạo trường: Tăng cơ hội cho lãnh đạo trường lên tiếng và tham gia vào quá trình ra quyết định chính sách cấp hệ thống, được đo lường bằng tư cách thành viên của lãnh đạo trường trong các nhóm công tác chính thức của khu và thành lập Nhóm Lãnh đạo trường họp thường xuyên để chia sẻ việc hoạch định chính sách của khu. | N/A | Hai lần mỗi tháng | TBD |
| Mục tiêu #4 ỨNG BIẾN ĐẠI DỊCH: Quan tâm đến sức khỏe của học sinh, tình trạng tình cảm xã hội và tiến bộ học tập trong suốt đại dịch COVID-19 bằng cách đảm bảo tính sẵn sàng trong việc vận hành, chất lượng học tập và tính an toàn của việc học trực tiếp và học từ xa. | | | |
| Mục tiêu tạm thời 4.1 Hoạt động Trực tuyến: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy cập học từ xa ổn định, được đo bằng tỷ lệ hoạt động trực tuyến trung bình hàng ngày, tỷ lệ này cho biết phần trăm học sinh đã sử dụng email BPS của để đăng nhập vào các công cụ học tập trực tuyến trong một ngày học điển hình. | 51% (Khi đóng cửa vào Mùa xuân 2020*) | 85% | TBD |
| Mục tiêu Tạm thời 4.2 Chuyên cần Học sinh: Đảm bảo số lượng có mặt trung bình hàng ngày ở mức cao, bất kể học sinh đang học từ xa hay trực tiếp. | 83% (Khi đóng cửa vào Mùa xuân 2020*) | 92% | TBD |
| Mục tiêu tạm thời 4.3 Các kế hoạch Can thiệp cho Học sinh: Xây dựng và giám sát Kế hoạch Thành công của Học sinh cho tất cả học sinh được xác định là cần can thiệp theo nhóm mục tiêu (Bậc 2) hoặc can thiệp chuyên sâu cho từng cá nhân (Bậc 3), được đo bằng tỷ lệ phần trăm học sinh có Kế hoạch Thành công của Học sinh. | 31% (Khi đóng cửa vào Mùa xuân 2020*) | 33% | TBD |
| Chiến lược cho Mục tiêu #4 | | | |
| Chiến lược 4.1 Công nghệ: Đảm bảo tất cả học sinh từ khối lớp 3-12 có thể truy cập 1:1 vào máy tính để mọi học sinh có thể truy cập tài nguyên học tập từ xa, được đo bằng tỷ lệ học sinh có Chromebook BPS hoặc chọn không nhận thiết bị BPS. | 67% | 100% | TBD |
| Chiến lược 4.2 Bàn tròn Bình đẳng: Thu hút các gia đình và cộng đồng hiểu để hiểu nhu cầu và khuyến khích họ tham gia đưa ra quyết định chung thông qua hội nghị bàn tròn bình đẳng. | 19 (Tháng 3-7 năm 2020) | Hai lần mỗi tháng | TBD |
| Chiến lược 4.3 Phản ứng Vận hành: Cung cấp khả năng tiếp cận với các trang thiết bị quan trọng về sức khỏe và an toàn (ví dụ: cửa sổ có thể mở, máy lọc không khí, nước rửa tay và thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE)). | N/A | N/A (Biện pháp mới) | TBD |

*Các biện pháp từ giai đoạn đóng cửa trường vào Mùa xuân 2020 phản ánh các chính sách và công cụ giám sát tiến độ sẵn có tại thời điểm đó.

Xem xét Đánh giá Tổng hợp

| | | | |
|--|---|---|---|
| Hội đồng cần xác định kết quả tổng hợp của dữ liệu trên có ý nghĩa gì - liệu nó đã được trọng số hay chưa và ngưỡng Đạt yêu cầu là bao nhiêu. Ví dụ: | Mục tiêu - 60% (2/3); Chiến lược - 40% (3/4) hoặc Mục tiêu - 50% (2/3); Chiến lược - 50% (3/4) | 0-4 Không đạt yêu cầu 5-6 Đạt yêu cầu hoặc | 0-2 Không đạt yêu cầu 3-4 Đạt một phần yêu cầu 5 Đạt yêu cầu 6 Mẫu mực |
|--|---|---|---|